

MẠNG XÃ HỘI: KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, TÍNH NĂNG, ÁP LỰC VÀ Ý NGHĨA TRONG THỰC TIỄN VÀ NGHIÊN CỨU

GS.TS. Trần Hữu Luyến

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

ThS. Đặng Hoàng Ngân

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Mạng xã hội xuất hiện những năm cuối thế kỷ trước, rất mới. Ngay sau khi vừa ra đời, đã thu hút được hàng triệu người quan tâm, đặc biệt là giới trẻ. Tuy nhiên, không phải ai tham gia mạng xã hội cũng có những hiểu biết cần thiết, nên nhiều khi dẫn đến những hậu quả tiêu cực, đáng tiếc. Để tạo điều kiện khắc phục những điều không mong muốn khi tham gia mạng xã hội, bài viết trình bày một số những vấn đề về mạng xã hội như mạng xã hội là gì, đặc điểm, tính năng, áp lực của mạng xã hội và ý nghĩa của những điều đó trong thực tiễn và nghiên cứu.

Từ khoá: *Mạng xã hội; Tính liên kết cộng đồng; Tính đa phương tiện; Khả năng truyền tải; Tính năng công khai; Tính năng bảo mật; Tiện ích; Áp lực.*

Ngày nhận bài: 30/5/2014; Ngày duyệt đăng bài: 25/6/2014.

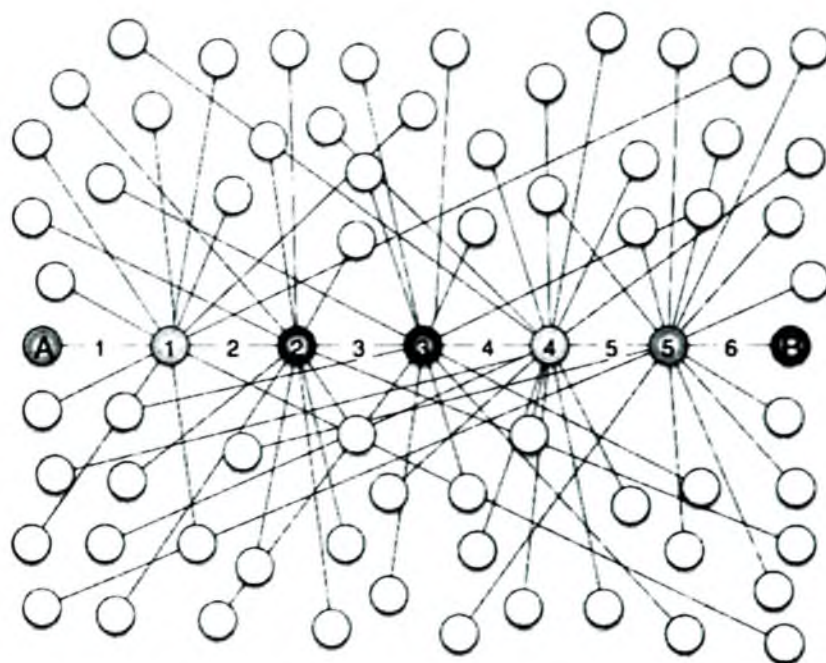
1. Mạng xã hội là gì?

Mạng xã hội (Social network sites), mạng xã hội trên internet, mạng xã hội trực tuyến, hay còn gọi mạng xã hội ảo là một khái niệm mới được hình thành trong thập niên cuối của thế kỉ XX, bắt đầu bằng sự ra đời của Classmates.com (1995), SixDegrees (1997), kế đến là sự nở rộ của một loạt các trang mạng khác như Friendster (2002), MySpace, Bebo, Facebook (2004) và tại Việt Nam là Yobanbe (2006), Zing me (2009). Với sự phát triển nhanh chóng của hình thức xã hội ảo này, mạng xã hội được định nghĩa rất khác nhau tùy theo hướng tiếp cận.

Một cách chung nhất, mạng xã hội là tập hợp các cá nhân với các mối quan hệ về một hay nhiều mặt được gắn kết với nhau.

Về mặt toán học, mạng xã hội có thể xem như một hệ thống gồm các

đỉnh (node) gắn với nhau thành một mạng gồm các liên kết (hoặc các cung) [1]. Theo hướng tiếp cận này, mạng xã hội được xem như mạng phức hợp, hay nói cách khác là một tập các hệ thống được tạo bởi các yếu tố đồng nhất hoặc không đồng nhất kết nối với nhau thông qua sự tương tác khác nhau giữa các yếu tố này và được trải ra trên diện rộng. Mạng phức hợp có hai thuộc tính quan trọng là “hiệu ứng thế giới nhỏ” (small-world effect) và “đặc trưng cơ bản tự do” (scale-free feature) (xem ma trận 1).



Nguồn: http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/9/94/Six_degrees_of_separation.png.

Ma trận 1: Mạng xã hội

Với hướng tiếp cận xã hội, nhấn mạnh yếu tố con người, mạng xã hội được nghiên cứu trên quan hệ cá nhân - cộng đồng để tạo thành mạng lưới xã hội. Mạng lưới xã hội được hiểu là một tập hợp các mối quan hệ giữa các thực thể xã hội gọi chung là actor. Các thực thể xã hội này không nhất thiết chỉ là các cá nhân mà còn là các nhóm xã hội... Khi mạng lưới xã hội này được thiết lập và phát triển thông qua phương tiện truyền thông internet, nó được hiểu là mạng xã hội ảo [2].

Nhìn từ nhiều phía, mạng xã hội là một đại diện tiêu biểu của Web 2.0 mô phỏng các quan hệ xã hội thực. Mạng xã hội tạo ra một hệ thống trên nền internet kết nối các thành viên cùng sở thích với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian qua những tính năng như kết bạn, chat, e-mail, phim ảnh, voice chat... nhằm phục vụ những yêu cầu công cộng

chung và những giá trị của xã hội [3].

Như vậy, có thể hiểu, *mạng xã hội là một dịch vụ kết nối các thành viên cùng sở thích trên internet lại với nhau, với nhiều mục đích khác nhau*. Khi các cá nhân tham gia vào xã hội ảo thì khoảng cách về không gian địa lý, giới tính, độ tuổi, thời gian trở nên vô nghĩa. Những người sử dụng mạng xã hội được gọi là cư dân mạng. Nhờ vào những ưu việt này mà mạng xã hội đang có tốc độ lây lan chóng mặt ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là ở thanh niên trên toàn thế giới.

Qua các cách hiểu như trên về mạng xã hội, chúng ta thấy cần phải phân biệt “mạng xã hội” và “dịch vụ mạng xã hội”. Một cách cơ bản nhất, *mạng xã hội được cấu thành từ hai bộ phận là con người và những mối liên hệ giữa họ*. Còn dịch vụ mạng xã hội, hay mạng xã hội trực tuyến là dịch vụ xây dựng và phản ánh mạng xã hội hay mối quan hệ giữa người với người, dựa trên nền tảng chung về sở thích, môi trường hay lĩnh vực hoạt động, từ đó cho phép người sử dụng chia sẻ các nội dung do mình tạo ra để thiết lập nên cộng đồng của chính mình. Đó là nơi chia sẻ những hiểu biết chung về thế giới, bản sắc được chia sẻ, có tính toàn diện và đồng thuận đối với mối quan tâm chung [4] của cộng đồng. Cộng đồng ở đây có thể là những người có mối quan hệ ngoại tuyến, trực tuyến hoặc những người cùng sở thích, hứng thú, quan tâm. Các nội dung do người dùng tạo ra là các thông tin đăng tải, dẫn liên kết, hồ sơ người dùng, hoạt động cập nhật của người dùng. Dịch vụ mạng xã hội (mạng xã hội trực tuyến) khác với dịch vụ cộng đồng trực tuyến (online community services), chẳng hạn như các diễn đàn. Nếu như dịch vụ cộng đồng trực tuyến hướng đến việc lấy nhóm làm trung tâm thì mạng xã hội trực tuyến hướng đến cá nhân làm trung tâm: Các trang mạng xã hội cho phép người dùng chia sẻ ý tưởng, hoạt động, sự kiện và sở thích trong mạng lưới riêng của họ [5]. Các trang mạng xã hội dựa trên hồ sơ, một hình thức trang chủ của cá nhân (hoặc ít thường xuyên hơn là nhóm), trong đó cung cấp những mô tả cụ thể. Ngoài các văn bản, hình ảnh và video được cung cấp bởi các thành viên thì hồ sơ cá nhân trang mạng xã hội cũng có những bình luận của các thành viên khác với một danh sách công khai những người là bạn bè trong mạng lưới của họ [6]. Sau khi tạo ra một hồ sơ cá nhân, người tham gia được yêu cầu mời bạn bè của họ vào trang của họ bằng cách cung cấp địa chỉ email. Ngoài ra, họ có thể xem hồ sơ của người khác và thêm những người này vào danh sách bạn bè. Khi ai đó chỉ nhận được thư yêu cầu thì có một tin nhắn xác nhận xuất hiện. Nếu người đó xác nhận, cả hai sẽ trở thành bạn bè của nhau trong hệ thống các quan hệ của họ và từ đó kết bạn với nhiều người khác. Ngoài các nội dung mà các thành viên cung cấp để tạo ra hồ sơ riêng của họ, những trang mạng xã hội thường có một phần dành riêng cho bình luận của bạn bè. Theo thời gian, những phản hồi được viết cho nhau, tạo ra một hình thức đàm thoại. Tuy rằng dịch vụ mạng xã hội hướng đến lấy cá nhân

làm trung tâm, nhưng một khi đã kết nối những cá nhân với nhau thì cộng đồng lại là một khái niệm cần được xem xét.

Cộng đồng mạng là một khái niệm phức tạp. Xét như một tính từ, cộng đồng thường được sử dụng để đối lập với cá nhân. Theo nghĩa là một địa điểm, cộng đồng (công cộng) là nơi có thể để cho bất cứ ai truy cập vào. Tham chiếu đến các hành động hoặc văn bản, cộng đồng thường có nghĩa là những người chưa được biết đến và họ có thể làm chứng. Xét như một danh từ, cộng đồng đề cập đến một tập hợp những người có thể không biết nhau như chia sẻ “một sự hiểu biết chung về thế giới, một bản sắc chung, một yêu cầu bởi thường toàn diện, một sự đồng thuận về lợi ích chung” [7].

Nhờ vào các trang mạng xã hội mà các cộng đồng gần nhau hơn. Các trang mạng xã hội cũng có sự phân biệt giữa cộng đồng và cá nhân, cộng đồng là nơi mà hồ sơ được hiển thị cho bất cứ ai và cá nhân là hồ sơ chỉ hiển thị cho những người bạn nhất định [8]. Cộng đồng mạng bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tính chất trung gian của sự tương tác. Trong môi trường phi trung gian, ranh giới và đối tượng của một cộng đồng nhất định được cấu trúc xác định. Đối tượng được giới hạn là những người có mặt trong bán kính địa lý giới hạn trong một thời điểm nhất định của thời gian. Cộng đồng là khái niệm bao gồm tất cả những người có thể nghe thấy điều xảy đến với cá nhân thông qua lời truyền miệng. Các công nghệ trung gian được kể đến đó là truyền hình, radio và báo chí. Các công nghệ này đã làm thay đổi quy mô cộng đồng. Các đối tượng tiềm năng bị ảnh hưởng bởi các thuộc tính của công nghệ trung gian là sự bền vững, nhân rộng và người theo dõi ẩn, tính năng tìm kiếm. Đây chính là bốn đặc tính phi trung gian của cộng đồng mạng:

- Bền vững: giao tiếp thực hiện trên mạng xã hội đều được ghi lại, điều này cho phép kéo dài thời gian tồn tại của bất kỳ giao tiếp nào.

- Tính năng tìm kiếm: các giao tiếp đều được ghi lại và hiển thị thông qua văn bản (các text lưu lại), thêm vào đó là các công cụ tìm kiếm, nhận dạng giúp người sử dụng có thể tìm thấy các thông tin cần thiết. Nếu như ở không gian phi trung gian, những người bạn có thể không ở cùng một vị trí địa lý, nhưng với tìm kiếm online thì họ có thể dễ dàng tìm thấy nhau nhờ một số từ khóa.

- Khả năng nhân rộng: thông tin nghe được có thể bị lệch khi phát ngôn lại do hiểu sai, nhưng cộng đồng mạng có thể sao chép thông tin một cách nguyên văn, không hề có sự sai lệch giữa “bản gốc” và “bản sao”.

- Người theo dõi ẩn: nếu như ở không gian phi trung gian, chúng ta hoàn toàn có thể nhận biết được những người đang đối thoại hoặc lắng nghe những lời nói của mình thì trên mạng xã hội (nơi có các yếu tố trung gian) chúng ta không thể nhận biết được họ.

Cộng đồng mạng có thể tập hợp tất cả mọi người trên khắp không gian và thời gian, điều mà trên thực tế không thể làm được. Những người tham gia cộng đồng mạng ít bị căng thẳng về mặt địa lý và sắp xếp thứ tự thời gian hơn trong cộng đồng phi trung gian. Tuy nhiên, do con người không quen với việc giao tiếp xã hội khi không biết những người theo dõi mình là ai, nên sự tương tác trong cộng đồng mạng có thể mang đến cho người tham gia những điều không mong muốn.

2. Đặc điểm mạng xã hội

Mạng xã hội trên internet bao gồm các đặc điểm nổi bật: tính liên kết cộng đồng, tính tương tác, khả năng truyền tải và lưu trữ lượng thông tin khổng lồ [9].

- *Tính liên kết cộng đồng*: đây là đặc điểm nổi bật của mạng xã hội ảo cho phép mở rộng phạm vi kết nối giữa người với người trong không gian đa dạng. Người sử dụng có thể trở thành bạn của nhau thông qua việc gửi liên kết mời kết bạn, mà không cần gặp gỡ trực tiếp. Việc gửi liên kết này tạo ra một cộng đồng mạng với số lượng thành viên lớn. Những người chia sẻ cùng một mối quan tâm cũng có thể tập hợp lại thành các nhóm trên mạng xã hội, thường xuyên giao lưu, chia sẻ trên mạng thông qua việc bình luận hay dẫn các đường liên kết trên trang chung của nhóm.

- *Tính đa phương tiện*: hoạt động theo nguyên lý của web 2.0, mạng xã hội có rất nhiều tiện ích nhờ sự kết hợp giữa các yếu tố chữ viết, âm thanh, hình ảnh, hình ảnh động... Sau khi đăng kí mở một tài khoản, người sử dụng có thể tự do xây dựng một không gian riêng cho bản thân. Nhờ các tiện ích và dịch vụ mà mạng xã hội cung cấp, người dùng có thể chia sẻ đường dẫn, tệp âm thanh, hình ảnh, video... Không những vậy, họ có thể tham gia vào các trò chơi trực tuyến đòi hỏi có nhiều người cùng tham gia, gửi tin nhắn, chat với bạn bè, từ đó tạo dựng các mối quan hệ mới trong xã hội ảo. Đặc điểm này được phản ánh trong cấu trúc phân lớp ứng dụng của mạng xã hội (xem hình 1).

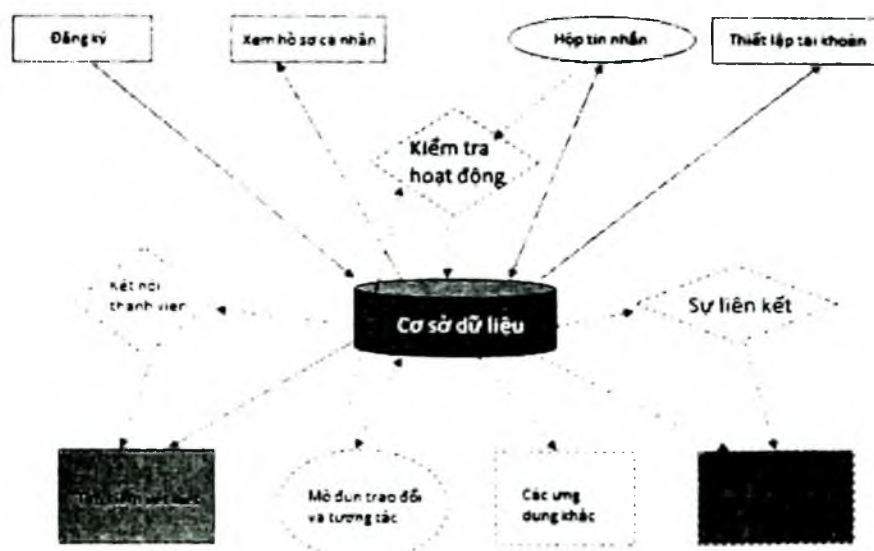
- *Tính tương tác*: thể hiện không chỉ ở chỗ thông tin được truyền đi và sau đó được phản hồi từ phía người nhận, mà còn phụ thuộc vào cách người dùng sử dụng ứng dụng của mạng xã hội. Đặc điểm này biểu hiện qua cấu trúc mô đun chức năng của mạng xã hội (xem hình 2). Các mô đun đặt trong hộp chữ nhật được thiết kế chủ yếu để đọc dữ liệu từ cơ sở dữ liệu, các mô đun hình ô van thể hiện chức năng tương tác giữa người dùng, yêu cầu người dùng phải có thao tác đọc, viết dữ liệu lên cơ sở dữ liệu. Mô đun màu xanh và vàng là thành phần chính của kiến trúc, mô đun xám là thành phần tiện ích thiết yếu hoặc hỗ trợ cho các ứng dụng mở rộng.

- *Khả năng truyền tải và lưu trữ lượng thông tin khổng lồ*: tất cả các mạng xã hội đều có những ứng dụng tương tự nhau như đăng trạng thái, đăng

nhạc hoặc video clip, viết bài..., nhưng được phân bố dung lượng khác nhau. Các trang mạng xã hội lưu trữ thông tin và nhóm sắp xếp chúng theo trình tự thời gian, nhờ đó, người sử dụng có thể truy cập và tìm lại lượng thông tin khổng lồ đã từng được đăng tải.



Hình 1: Cấu trúc phân lớp ứng dụng của mạng xã hội



Hình 2: Cấu trúc mô đun chức năng của mạng xã hội

3. Tính năng của mạng xã hội

Các trang mạng xã hội có nhiều loại tính năng kỹ thuật khác nhau, trong đó các tính năng phổ biến nhất có thể kể đến là: Tạo hồ sơ cá nhân; Kết bạn trực tuyến; Tham gia nhóm trực tuyến; Chia sẻ, bày tỏ ý kiến; Tìm kiếm thông tin.

Khi thực hiện các tính năng này, người sử dụng vừa thực hiện tính năng công khai của thông tin, vừa phải tính đến tính năng bảo mật để bảo vệ quyền riêng tư cá nhân hay là những tính năng đặc biệt. Các trang mạng xã hội đã quan tâm đến điều này và thường có tính năng cho phép người dùng chọn lựa ai có thể xem hồ sơ của họ, liên lạc với họ, thêm họ vào danh sách liên lạc của mình... Tuy vậy, người sử dụng mới là người quyết định chính trong việc bảo mật hay công khai thông tin cá nhân, cũng như hoạt động sử dụng của mình trên mạng xã hội. Dưới đây chỉ nói về những tính năng đặc biệt này.

3.1. Tính năng bảo mật

Xuất phát từ nhu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân trước sự lạm dụng (tấn công từ phía bên ngoài), ngày nay, mục đích bảo vệ dữ liệu được xem là để bảo vệ từng cá nhân không bị thiệt thòi trong quyền tự quyết định về thông tin của chính mình thông qua việc sử dụng dữ liệu liên quan đến cá nhân của họ. Bảo vệ dữ liệu cá nhân ủng hộ ý tưởng về nguyên tắc mỗi người đều có thể tự quyết định người nào, khi nào và dữ liệu cá nhân nào của mình được phép cho người khác xem. Bảo vệ dữ liệu cá nhân muốn ngăn ngừa cái gọi là "con người bằng kính" [10].

Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) định nghĩa bảo mật là hành động đảm bảo thông tin chỉ được truy cập bởi những người được ủy quyền [11] và là một trong những nền tảng của an toàn thông tin. An toàn thông tin là một tổng hòa các biện pháp nhằm giảm rủi ro cho hệ thống, chống lại các nguy cơ đe dọa vô tình hay cố ý. Cùng với các yêu cầu khác là tính toàn vẹn (intégrité), tính sẵn có (disponibilité), tính truy vấn (preuve), tính bảo mật (confidentialité) tạo ra sự an toàn thông tin (DICP).

- Tính sẵn có: thông tin trên hệ thống luôn có sẵn đối với những được ủy quyền.
- Tính bảo mật: thông tin trên hệ thống chỉ có thể được đọc bởi những người được ủy quyền.
- Tính toàn vẹn: yêu cầu rằng các thông tin trên hệ thống có thể được sửa đổi chỉ bởi người có thẩm quyền.
- Tính truy vấn: thông tin lưu lại dấu vết trên hệ thống.

Do đó, tính bảo mật, có ý nghĩa không được tiết lộ cho bên thứ ba nếu không được phép, không có sửa đổi hoặc hủy diệt thông tin, có xác thực của các bên liên quan nhằm tôn trọng cuộc sống riêng tư [12] của người sử dụng.

Cộng đồng mạng là không biên giới trong công khai thông tin, tuy nhiên luôn cần có quy ước xã hội về sự riêng tư. Dannah Boyd (2007) trong nghiên cứu về “Vai trò của cộng đồng mạng trong cuộc sống của thanh thiếu niên” đã chỉ ra rằng thanh thiếu niên thường đưa lên những thông tin chính xác như tên, tuổi, vị trí để bảo vệ mình. Trong khi đó, các bậc phụ huynh thì không khuyến khích việc này. Nhiều thanh thiếu niên đã có những biện pháp để thoát khỏi sự giám sát của cha mẹ. Ông nói một phương thức bảo mật chung được nhiều thanh thiếu niên sử dụng đó là lựa chọn những hồ sơ mà họ tin tưởng để công khai. Điều này giúp ngăn cản những người mà họ không mong muốn xem như cha mẹ. Một phương thức bảo mật khác là thanh thiếu niên sử dụng tên giả với một hồ sơ tương tự để mời bạn bè theo ý kiến của cha mẹ, rồi sau đó sử dụng hồ sơ chính thức kia. Cha mẹ có thể kiểm soát các hồ sơ giả của họ trong khi những hồ sơ thật vẫn hoạt động một cách bí mật [13].

Hầu hết mọi người tin rằng những rào cản an ninh trong việc sử dụng mạng là không có ý nghĩa, trừ khi ai đó sử dụng chúng theo một cách quá đặc biệt, thu hút sự quan tâm, tìm kiếm. Thật không may cho thanh thiếu niên, có hai nhóm người thường quan tâm rất nhiều đến họ là những người có quyền lực hơn họ - cha mẹ, giáo viên, quan chức chính quyền và những tội phạm mạng (tiếp thị, mua bán tình dục). Vấn đề này không chỉ các trang mạng xã hội gặp phải, mà vấn đề này còn tồn tại ở hầu hết các mạng công khai trung gian khác.

Các dịch vụ trực tuyến bao gồm cả mạng xã hội đều có khuyến cáo người dùng về các điều khoản sử dụng, trong đó có tính bảo mật. Điều khoản này công bố rõ ràng về những thông tin mà trang mạng sẽ thu thập từ người dùng, chia sẻ chúng; làm cách nào để người dùng thay đổi hoặc xóa bỏ thông tin, bởi lẽ cuộc sống riêng tư trên internet phụ thuộc vào khả năng của người dùng trong việc kiểm soát thông tin cá nhân được công bố và kiểm soát khả năng truy cập của những người được cấp phép [14]. Microsoft khuyến cáo người sử dụng về tính bảo mật trên internet nói chung như sau:

- Suy nghĩ trước khi chia sẻ thông tin cá nhân.

- + Không chia sẻ nhiều hơn những gì bạn cần như: Không đăng tải bất cứ điều gì trên mạng mà không muốn công khai; Giảm thiểu các chi tiết nhận dạng cá nhân hoặc môi trường của bạn; Giữ bí mật số tài khoản, tên đăng nhập, mật khẩu; Chỉ chia sẻ địa chỉ thư điện tử hay nick chat với những người hay tổ chức bạn biết (Tránh đưa địa chỉ hay tên vào các niên giám trên internet hay các trang tìm kiếm việc làm); Chỉ nhập các thông tin bắt buộc (thường có dấu *) vào các bản đăng ký online.

- + Chọn mức độ bảo mật hồ sơ cá nhân hay blog: thay đổi cài đặt hay tùy chọn của trình duyệt bạn vẫn sử dụng hoặc của trang mạng để quản lý những người có thể xem ảnh, hồ sơ cá nhân online, quản lý cách người khác có thể tìm kiếm ra trang cá nhân của bạn như thế nào, những ai bình luận được về các cập

nhật mà bạn đăng tải và học cách chặn những truy cập không mong muốn từ những cá nhân khác.

- Kiểm tra những gì người khác đăng tải.

- + Hãy thử tìm kiếm hồ sơ cá nhân online của chính bạn trên internet bằng ít nhất 02 công cụ tìm kiếm, tìm kiếm cả dạng văn bản lẫn dạng hình ảnh. Nếu bạn tìm thấy những thông tin nhạy cảm của mình trên internet, hãy tìm thông tin liên lạc của trang mạng hay người đăng tải chúng để yêu cầu gỡ bỏ.

- + Thường xuyên kiểm tra xem những người khác viết gì về bạn trên các blog hay mạng xã hội. Yêu cầu bạn bè của bạn không đăng tải hình ảnh về bạn hoặc về gia đình bạn nếu khi không có sự đồng ý. Nếu bạn cảm thấy không thoải mái với các thông tin hay hình ảnh của mình mà đã được đăng tải trên trang của những người bạn khác, hãy yêu cầu để gỡ bỏ những thông tin, hình ảnh đó.

3.2. Tính năng công khai

Có rất nhiều câu hỏi xoay quanh khái niệm “công khai” khi đặt trong liên hệ với “kiểm tra”, “kiểm soát”. Xu hướng quản trị các nội dung được công bố là tăng cường tính công khai, bản thân thông tin đã là sự công khai, tuy nhiên giữa công khai và tự do lại có sự khác biệt [15]. Điều đó có nghĩa rằng sự công khai sẽ làm thay đổi ranh giới giữa tự do cá nhân và sự công bố rộng rãi. Trong bảy nguyên tắc chính về bảo mật thông tin, Trung tâm Quốc gia về Nghiên cứu Khoa học Pháp định nghĩa tính công khai là luật đảm bảo cho các bên liên quan sở hữu thông tin cần thiết được thực hiện bằng khả năng kiểm tra cá nhân. Người chịu trách nhiệm xử lý thông tin cá nhân phải xác định được các bên liên quan này kể từ khi bắt đầu thu thập thông tin và chuyển giao thông tin đến bên thứ ba [16].

Nhờ những thông tin được công khai trên mạng internet, đặc biệt là trên các phương tiện truyền thông mang tính xã hội, mà mạng xã hội đóng vai trò to lớn, người sử dụng sẽ được hình thành các năng lực công nghệ sau đây:

- Biết làm thế nào để tìm kiếm và chia sẻ thông tin hiệu quả;

- Có kỹ năng tư duy phê phán để đánh giá chất lượng thông tin;

- Nhận ra các quan điểm và chương trình của người sáng tạo (người công khai nguồn tin) phương tiện truyền thông;

- Hiểu biết về hậu quả của các hành động kỹ thuật số là do một cá nhân, chẳng hạn như sự an toàn và sự riêng tư;

- Phát triển sự phán xét đạo đức và công dân cần có trách nhiệm kỹ thuật số, nguồn tin công khai có tính chất liên cá nhân và hợp pháp;

- Học các kỹ năng cho phép sáng tạo và tự thể hiện [17].

Do tính công khai thông tin mà phương tiện công nghệ xã hội, trong đó có dịch vụ mạng xã hội trực tuyến có thể rất quyền năng. Mạng xã hội cho phép mọi người có hành động nhân danh chính mình bất cứ lúc nào. Kết quả của hành động đó phụ thuộc từ sự tự do đến trách nhiệm của tự ý thức và tự điều chỉnh.

Mạng xã hội có tính năng để người sử dụng tùy chỉnh chế độ trang của mình. Có 5 chế độ công khai thông tin phổ biến đang được cài đặt cho mạng xã hội hiện nay, gồm: private (chỉ người sử dụng), friends (chỉ bạn trong danh sách kết bạn), friends of friends (bạn bè của người sử dụng và bạn bè của bạn bè), custom (cho phép tùy chỉnh theo mong muốn công khai của người sử dụng), public (tất cả mọi người). Do mạng xã hội tích hợp rất nhiều phương tiện, có tính “mở” hơn so với các trang blog cá nhân nên người dùng có xu hướng công khai thông tin của mình nhiều hơn, cho phép nhiều người xem, ít khi để chế độ riêng tư (private) hoặc tùy chỉnh (custom).

Tuy nhiên, càng công khai thì người dùng càng dễ dàng bị lợi dụng, ăn cắp thông tin và không kiểm soát được những ai đang theo dõi mình. Tính năng công khai trên mạng xã hội đã và đang đặt ra nhiều áp lực đối với hình thức dịch vụ trực tuyến này.

4. Áp lực của mạng xã hội

Bên cạnh các ưu điểm, tiện ích cho phép người sử dụng tạo dựng các mối liên hệ mới, thể hiện sự sáng tạo, đổi mới phương thức giao tiếp truyền thống, mạng xã hội đã và đang tạo nên những áp lực cho người sử dụng.

Mạng xã hội cám dỗ người sử dụng dành nhiều thời gian trên mạng hơn là đi ra ngoài và thiết lập các mối quan hệ thực, gặp gỡ mọi người. Nhiều nội dung tìm kiếm được từ trang mạng xã hội khiến người sử dụng lãng phí thời gian đáng lẽ được dành cho các hoạt động có ích hơn. Thanh thiếu niên thường tiêu tốn 9 giờ/tuần cho các hoạt động trên mạng xã hội trực tuyến [18]. Việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội tăng lên kéo theo số giờ mỗi ngày dành cho tiếp xúc trực tiếp giảm đi. Những người lạm dụng các trang mạng xã hội dễ bị cô lập xã hội. Cha mẹ ít dành thời gian cho con cái, các cặp vợ chồng ít dành thời gian cho nhau hơn, ngay cả khi họ cùng chung sống một nhà, bởi lẽ họ đang sử dụng internet thay vì tương tác với nhau [19].

Lạm dụng các trang web mạng xã hội còn khiến tiêu tốn thời gian và chi phí trong công việc. Năm 2007, người lao động sử dụng Facebook trong văn phòng tại Úc làm tiêu tốn 4,5 tỷ đô la Mỹ [20]. ở Anh năm 2009 là 12,5 tỷ đô la Mỹ [21], ở Mỹ chưa có số liệu về tiêu tốn kinh tế cụ thể, nhưng hai phần ba người lao động nước này có tài khoản Facebook và truy cập trong giờ làm việc [22].

Lạm dụng các trang web này còn có thể khiến trẻ rối loạn, suy giảm khả